| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ QUAO**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v: "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Danh Quí;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.***

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Lan A - sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn*: Ông Danh T - sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Đia chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/11/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày***: Tôi và chồng tôi có tìm hiểu nhau trước được 2 - 3 năm nên đến năm 1992 chúng tôi cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi không có tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cuộc sống, chồng tôi không lo làm ăn, còn có tính ghen vô cớ, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả và chúng tôi đã ly thân cách nay 12 năm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn

được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung tên Danh Diễm T1 - sinh ngày 20/02/1993, Danh Nguyễn Hữu N - sinh ngày 20/02/1996 và Danh Nguyễn Duy K - sinh ngày 11/01/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự tạo lập được cuộc sống riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung tên Danh Diễm T1 - sinh ngày 20/02/1993, Danh Nguyễn Hữu N - sinh ngày 20/02/1996 và Danh Nguyễn Duy K - sinh ngày 11/01/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự tạo lập được cuộc sống riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

***Tại bản tự khai đề ngày 22/12/2023 bị đơn ông Danh T trình bày***: Tôi và vợ tôi có tìm hiểu nhau trước được 2 - 3 năm nên đến năm 1992 chúng tôi cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi tự bỏ nhà đi từ năm 2010 nên từ đó vợ chồng không gặp nhau từ đó đến nay, vợ chồng cũng không cãi vả với nhau và chúng tôi đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Nguyễn Thị Lan A.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung tên Danh Diễm T1 - sinh ngày 20/02/1993, Danh Nguyễn Hữu N - sinh ngày 20/02/1996 và Danh Nguyễn Duy K - sinh ngày 11/01/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự tạo lập được cuộc sống riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Nguyễn Thị Lan A.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên Danh Diễm T1 - sinh ngày 20/02/1993, Danh Nguyễn Hữu N - sinh ngày 20/02/1996 và Danh Nguyễn Duy K - sinh ngày 11/01/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự tạo lập được cuộc sống riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng**: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Lan A là nguyên đơn và ông Danh T là bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng bà A và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân**: Bà Nguyễn Thị Lan A xác lập quan hệ hôn nhân với ông Danh T vào năm 1992, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà A và ông T cũng thống nhất ly hôn. Mặc khác, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T là vợ chồng.

**[3] Về con chung**: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T xác định ông bà có 03 người con chung tên Danh Diễm T1 - sinh ngày 20/02/1993, Danh Nguyễn Hữu N - sinh ngày 20/02/1996 và Danh Nguyễn Duy K - sinh ngày 11/01/2002, hiện nay các con đã trưởng thành và tự tạo lập được cuộc sống nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[4] Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T xác định ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[5] Về nợ chung**: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T xác định ông bà không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là**: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Lan A phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004605 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Lan A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**:

**1.** ***Về quan hệ hôn nhân***: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Danh T là vợ chồng.

**2.** ***Về con chung***: HĐXX miễn xét.

**3.** ***Về tài sản chung và nợ chung***: HĐXX miễn xét.

**3.** ***Về án phí hôn nhân sơ thẩm***: Là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Lan A phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004605 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Lan A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

**4.** ***Về quyền kháng cáo***:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND thị trấn Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Thanh**